TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2023.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ngô Thị Luân**

2. Ông **Nguyễn Thái Duy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cương** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 377/2022/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thủy A, sinh năm 1980

Địa chỉ: Chung cư C, Số a đường C, Phường Z, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Đăng B , sinh năm 1971

Địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện L, Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa: bà Acó mặt, ông Bvắng mặt không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Bà Nguyễn Thủy A trình bày:

Năm 2002, bà và ông Bxây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

bất đồng trong việc làm ăn kinh tế. Tuy vợ chồng sống cùng nhà nhưng thực tế đã ly thân thời gian dài. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà xác định bà và ông Bcó 02 con chung là Đỗ Duy B1, sinh ngày 04/8/2003; Đỗ Nguyên B2, sinh ngày 03/11/2007. Khi ly hôn bà đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có nợ chung.

Tại đơn trình bày ngày 01/11/2022, bị đơn ông Btrình bày: Năm 2022 ông và vợ ông đã cùng nhau xây dựng gia đình trên tinh thần tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Kết hôn xong vì chưa có nhà ở, vợ chồng đã thuê nhà trọ tại một số nơi (thuộc địa bàn thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà) trước khi xây nhà riêng tại khu phố Đồng Tâm, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống cùng nhau, vợ chồng sinh được 02 con là Đỗ Duy B1, sinh ngày 04/8/2003 và Đỗ Nguyên B2, sinh ngày 03/11/2007. Do điều kiện học tập của các con nên vợ và các con ông sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, bản thân ông đang công tác tại huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Tuy cách xa nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên thông tin trao đổi qua lại với nhau. Trong những ngày qua, ông nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn do vợ ông khởi kiện và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Qua xem xét nội dung thông báo, ông nhận thấy hiện nay vợ chồng ông chưa thống nhất một số nội dung liên quan công nợ tài sản trước khi ly hôn. Hơn nữa quá trình chung sống, ông nhận thấy vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn vì không có mâu thuẫn lớn về mặt tình cảm ngoại trừ một số hiểu lầm về nhau trong cuộc sống do đó vẫn có thể hàn gắn để tiếp tục cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xem xét để vợ chồng có thêm thời gian để thống nhất, hòa giải. Ngoài ra ông Bkhông có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn ông Bkhông có mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thủy A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Đỗ Đăng B vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thủy A, giải quyết cho Bà Nguyễn Thủy A và Ông Đỗ Đăng B được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Nguyên B2, sinh ngày 03/11/2007 cho Bà Nguyễn Thủy A có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Bkhông phải cấp

dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Bà Nguyễn Thủy A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Ông Đỗ Đăng B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên cần căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thủy A và Ông Đỗ Đăng B xây dựng gia đình với nhau năm 2002, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Theo bà Athì vợ chồng chung sống hòa thuận được 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn không thể hòa hợp được và bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Agiữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn ông Bcho rằng vợ chồng chỉ có những bất đồng nhỏ, ông muốn có thêm thời gian để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Bđến làm việc, hòa giải nhưng tất cả những lần Tòa án triệu tập ông Bđều không có mặt. Điều này thể hiện ông Bkhông hề có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay sẽ không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Do vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn ly hôn của bà Tiên, xử cho bà Avà ông Bđược ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng bà A, ông Bcó 02 con chung là Đỗ Duy B1, sinh ngày 04/8/2003 và Đỗ Nguyên B2, sinh ngày 03/11/2007. Bà Ayêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, còn ông Bkhông có ý kiến về việc nuôi con mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án. Xét thấy, đối với con chung là Đỗ Duy B1 đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên Tòa án không đặt ra để xem xét. Đối với con chung là Đỗ Nguyên B2 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện nay cháu vẫn đang học tập và sinh sống cùng bà Atại thành phố Hồ Chí Minh nên để đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt của Trẻ, cần căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Đỗ Nguyên B2 cho bà Acó trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con bà Akhông yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Akhông yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng. Còn ông Bmặc dù xác định còn vướng mắc với bà Avề vấn đề tài sản nhưng quá trình giải quyết vụ án ông Bkhông có đơn yêu cầu cụ thể và không xuất trình được chứng cứ chứng minh về phần tài sản nên Tòa án không đặt ra để giải quyết về tài sản chung của bà Avà ông Btrong vụ án này. Nếu sau này các bên không tự thỏa thuận được mà có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện để được xem xét giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác.

[5]. *Về nợ chung*: Bà Axác định không có nợ chung, còn ông Bxác định vợ chồng chưa thống nhất một số nội dung liên quan công nợ tài sản trước khi ly hôn nhưng ông Bkhông nêu rõ các khoản nợ cụ thể thế nào. Quá trình giải quyết vụ án, ông Bkhông có mặt theo sự triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ chứng minh về nợ chung của vợ chồng. Hơn nữa, Tòa án đã xác minh tại địa phương nhưng không có dư luận gì về nợ chung của bà Avà ông B. Do vậy, Tòa án không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Nếu sau này ông Bcó chứng cứ chứng minh về nợ chung của bà Tiên, ông Bvà các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác.

[6] *Về án phí*: Bà Aphải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thủy A, xử cho Bà Nguyễn Thủy A và Ông Đỗ Đăng B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Nguyên B2, sinh ngày 03/11/2007 cho Bà Nguyễn Thủy A có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Đỗ Đăng B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thủy A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Bà Nguyễn Thủy A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003534 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thủy A đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Báo cho Bà Nguyễn Thủy A biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/02/2023). Ông Đỗ Đăng B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ – Tòa án.

Lê Trung Kiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Kiên